

Bản án số: 69/2018/HS-ST

Ngày: 09-3-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Tùng Mận

Ông Nguyễn Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2018/TLST - HS, ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Đ** - Sinh năm: 1968, tại: Thành phố Đà Nẵng;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Liên gia S, tổ dân phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Chạy xe thô; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm D và bà Lê Thị T (đã chết); Bị cáo có vợ là Bùi Thị H (đã chết) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1989 và nhỏ nhất sinh năm 1996; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn M** - Sinh ngày 12 tháng 12 năm 1971; Tại: Tỉnh Bình Định;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn M, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

Chỗ ở: Đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Chạy xe thô; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn T và bà Võ Thị C; Bị cáo có vợ là Trần Thị Tuyết T và có 02 con, lớn nhất sinh năm

1990 và nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 21/12/2007, tại Bản án số 317/2007/HSST bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xử phạt 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng, về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự; Bị cáo đã được xóa án tích. Ngày 27/11/2013, bị Công an phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lôi kéo, sách nhiễu khách đi xe, bằng hình thức phạt tiền.

Bị cáo tại ngoại - Có mặt.

- **Người bị hại:** Lương Văn C - Sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Buôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Phạm Thị Thùy T - Sinh năm: 1989 (Có mặt)

Cư trú: Tổ dân phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Phạm Minh T - Sinh năm: 1996 (Vắng mặt)

Cư trú: Tổ dân phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Phạm Thanh S - Sinh năm: 1994 (Vắng mặt)

Cư trú: Tổ dân phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của Phạm Thị Thùy T, Phạm Minh T là ông Phạm Thanh S Sinh năm: 1994 (Vắng mặt)

Cư trú: Tổ dân phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Trần Thị Tuyết T - Sinh năm: 1969 (Có mặt)

Cư trú tại: Đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Nguyễn Thanh Hoàng - Sinh năm: 1991 (Vắng mặt)

Cư trú tại: Tổ M, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 11 tháng 6 năm 2016, Phạm Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 47FE-8933, đi đến trước khu vực cây xăng Tín Nghĩa, địa chỉ: Quốc lộ M, phường T, thành phố B (gần khu vực bến xe liên tỉnh Đắk Lắk), để đón khách đi xe thồ. Tại đây, Đ gặp Nguyễn Văn M điều khiển xe mô tô hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát 47F1-0666, cũng đang đứng đón khách. Do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên Đ và M đã thống nhất với nhau là nếu Đ hoặc M có khách đi xe thồ mà ở tỉnh ngoài thì sẽ thông báo cho nhau biết rồi cùng nhau chọn địa điểm và dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của khách chia nhau tiền tiêu xài. Một lúc sau, Đ thấy anh Lương Văn C, đang đứng đón xe đi về tỉnh Đắk Nông. Phạm Đ đến hỏi anh

C về đâu, anh C nói về tỉnh Đắk Nông thì Phạm Đ nói để Đ chở đến bến xe, anh C đồng ý. Sau đó, Phạm Đ điều khiển xe mô tô chở anh C chạy đến trước khu vực Công viên nước thì Phạm Đ dùng chiếc điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen, số imei: 866073002519205, gắn sim thuê bao 01229436444 gọi điện thoại cho M báo cho M biết có khách đi về tỉnh Đắk Nông nhằm, để cả hai chọn địa điểm cùng nhau giúp sức chiếm đoạt tài sản của anh C. Sau đó, Phạm Đ và Nguyễn Văn M hẹn gặp nhau tại trước cổng trường tiểu học Ngô Quyền, tại địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố B. Trong quá trình chở anh C, Phạm Đ giả vờ lấy điện thoại ra gọi với nội dung: “Đề tao mấy tép về chích”, mục đích nhằm đe dọa, uy hiếp tinh thần anh C. Đ chở anh C đến khu vực gần trước cổng trường tiểu học Ngô Quyền dừng xe lại như kế hoạch đã trao đổi trước đó với M. Khoảng 05 phút sau, M điều khiển xe mô tô hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 47F1-0666 đến đứng bên cạnh Phạm Đ và anh C. Tại đây, M đứng cạnh giới còn Phạm Đ giả vờ gọi điện thoại và nói “để cho tao 02 tép (ma túy)” nhằm mục đích đe dọa anh C, tiếp đó Phạm Đ nói anh C đưa cho Phạm Đ vài xị (tức là vài trăm nghìn), để Phạm Đ mua ma túy. Thấy vậy, anh C miễn cưỡng đưa cho Đ số tiền 50.000 đồng nhưng Phạm Đ không đồng ý. Lúc này, M nói với anh C “đưa tiền cho người ta đi” và đứng cạnh giới. Phạm Đ “giả vờ dùng tay kéo áo khoác, nói với anh C là “mày có đưa cho tao vài xị nếu không tao lấy kim chích cho phát bây giờ, Phạm Đ dùng chân trái đá trúng vào chân của anh C một cái”. Anh C sợ bị đánh và sợ bị Đ dùng kim tiêm đâm mình nên đã lấy ví đựng tiền từ trong người ra đưa cho Phạm Đ xem và nói “Cháu không có tiền và xin hai chú” thì Phạm Đ đã dùng tay trái lấy của anh C, trong ví có số tiền 300.000 đồng, gồm 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng và 02 tờ mệnh giá 50.000. Phạm Đ chia cho M số tiền 150.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô biển số 47FE-8933 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Phạm Đ; chiếc xe mô tô biển số 47F1-0666 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Nguyễn Văn M, các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã quyết định trưng cầu định giá tài sản để xử lý.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 338/KLĐG, ngày 22 tháng 12 năm 2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Naval, màu đen, biển số 47FE-8933, số khung: B1UM7XW00775, số máy: 39FMB000775, trị giá: 700.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát 47F1-0666, số khung: 100M0195021, số máy: 00ME0195021, trị giá: 2.300.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của các bị cáo đúng như nội dung trên, các bị cáo đồng ý với kết luận giám định và không có ý kiến gì.

Bản cáo trạng số: 55/CT-VKS TP.BMT ngày 05/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Phạm Đ, Nguyễn Văn M về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột sau khi phân tích đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Đ và Nguyễn Văn M vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phạm Đ và Nguyễn Văn M theo bản cáo trạng số 55/CT-VKS TP.BMT ngày 05/02/2018 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Đ: 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M: 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự. Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, trả lại số tiền 300.000 đồng cho anh Lương Văn C là chủ sở hữu nhận quản lý, sử dụng. Trả lại cho bị cáo Phạm Đ số tiền 50.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen, gắn sim thuê bao 01229436444 của bị cáo Phạm Đ và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, gắn sim thuê bao 0943867968 của bị cáo Nguyễn Văn M, đã dùng vào việc phạm tội. Tạm giữ 01 xe mô tô biển số 47FE-8933 của bị cáo Phạm Đ và 01 chiếc xe mô tô biển số 47F1-0666 của bị cáo Nguyễn Văn M đã dùng vào việc phạm tội, để đảm bảo công tác thi hành án dân sự. Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 350.000 đồng là giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô 47FE-8933 của bị cáo Phạm Đ và số tiền 1.150.000 đồng là giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô 47F1-0666 của bị cáo Nguyễn Văn M do liên quan đến hành vi phạm tội.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị Thùy T khai chị là con của bị cáo Phạm Đ và bà Bùi Thị H. Chiếc xe mô tô biển số 47FE-8933 bị cáo Phạm Đ sử dụng làm phương tiện tội là tài sản chung của bị cáo và mẹ chị, việc bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện tội mẹ chị không biết. Nay mẹ chị bà Bùi Thị H đã mất nên chị tham gia tố tụng và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị Tuyết T khai; Bà là vợ của bị cáo M, chiếc xe mô tô 47F1-0666 là tài sản chung của hai vợ chồng. Bị cáo M sử dụng xe làm phương tiện phạm tội bà không biết nên đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo Phạm Đ, Nguyễn Văn M tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo đã dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực đối với anh Lương Văn C để chiếm đoạt số tiền 300.000 đồng là phạm tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 Bộ Luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.”

[2] Xét thấy, các bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản trái pháp luật đều bị trừng trị thích đáng. Do lười biếng lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành cướp tài sản của anh Lương Văn C. Các bị cáo đã dùng lời lẽ đe dọa và uy hiếp tinh thần của anh C, bị cáo Đ dùng vũ lực với anh C là dùng chân đá vào người anh C và là người trực tiếp lấy số tiền 300.000 đồng của anh C. Bị cáo M là người có nhân thân xấu nhưng bị cáo không chịu ăn năn sửa chữa để trở thành người công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội. Sau khi lấy tài sản của anh C các bị cáo đã cùng chia nhau tiêu xài nên đối với các bị cáo cần phải xử mức án ngang nhau. Tuy nhiên, bị cáo Phạm Đ hiện bị bệnh U đại tràng và đang điều trị cho nên xử bị cáo mức án thấp hơn bị cáo M nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật và buộc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ hình phạt: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra anh Lương Văn C đã nhận lại số tiền 300.000 đồng và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về vật chứng: Đối với Chiếc xe mô tô biển số 47FE-8933 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Phạm Đ và chiếc xe mô tô 47F1-0666 của vợ chồng bị cáo Nguyễn Văn M nhưng vợ bị cáo Phạm Đ và vợ bị cáo Nguyễn Văn M không biết các bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội. Nên cần Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 350.000 đồng là giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô 47FE-8933 của bị cáo Phạm Đ và số tiền 1.150.000 đồng là giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô 47F1-0666 của bị cáo Nguyễn Văn M.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen, gắn sim thuê bao 01229436444 của bị cáo Phạm Đ và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, gắn sim thuê bao 0943867968 của bị cáo Nguyễn Văn M, các bị cáo đã sử dụng làm công cụ phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 50.000 đồng của bị cáo Phạm Đ cơ quan Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã thu giữ nên tuyên trả cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ đảm bảo công tác thi hành án.

[5] Xét quá trình điều tra, truy tố. Điều tra viên đã thi hành các quyết định tố tụng, tiến hành truy tìm, thu thập vật chứng, khám nghiệm hiện trường cũng như lấy lời khai của bị cáo và các đương sự khác liên quan trong vụ án là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử kiểm sát viên đã thực hiện việc kiểm sát hoạt động tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nên bị cáo không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Đ, Nguyễn Văn M phạm tội: “Cướp tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Phạm Đ: 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M: 03 (Ba) năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Đ số tiền 50.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen, số imei: 866073002519205, gắn sim thuê bao 01229436444 của bị cáo Phạm Đ và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số imei: 356468067692623 gắn sim thuê bao 0943867968 của bị cáo Nguyễn Văn M.

- Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 350.000 đồng của bị cáo Phạm Đ (giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô 47FE-8933) và số tiền 1.150.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn M (giá trị $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô 47F1-0666).

- Tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu New Angel (trên lốc máy có chữ Haval), màu sơn đen, loại xe hai bánh dưới 50cm³, biển số 47FE-8933, số khung: RRKWCB1UM7XW00775, số máy: VTT11YX1P39FNMB000775 của bị cáo Phạm Đ và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu sơn nâu, biển số 47F1-0666, số khung: C100M-0195021, số máy: C100ME-0195021 của bị cáo Nguyễn Văn M để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

(Vật chứng có đặc điểm số lượng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/02/2018 giữa cơ quan Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk)

Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Đ, bị cáo Nguyễn Văn M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật

Nơi nhận :

- TAND tối cao; TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, VKSND TP.BMT;
- Công an TP.BMT;
- CCTHADS thành phố B;
- THA phạt tù(để thi hành) ;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Nhà tạm giữ Công an TP.BMT;
- Bị cáo; Các đương sự
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My